

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **25/2022/DS-ST**

Ngày: 29-6-2022.

V/v: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-DS ngày 01/4/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 04/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 186/2022/QĐST-DS ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** *Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1969*

HKTT: Thôn T L, ấp A Ch, xã B S, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Số abc, ấp S M, xã B S, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn:** *1/ Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1987*

HKTT: Số abc, đường C m th t, tổ a, khu phố b, phường Qu Th, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ a, ấp b, xã V T, huyện V C, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1990

HKTT: Số abc Ng qu, tổ a, phường L Ph, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà M, anh S có mặt, chị H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị M, trình bày:

Bà và ông Huỳnh Thanh S là chị em ruột. Vào ngày 17/02/2017, bà cho vợ chồng anh S và chị Phạm Thị Bích H vay số tiền 30.000.000đ và ngày

10/4/2017 cho vay số tiền 250.000.000đ. Hai bên có viết giấy nhận nợ, thỏa thuận miệng về thời hạn trả nợ là 01 năm và mức lãi suất thỏa thuận là 9%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh S và chị H đã thanh toán số tiền 15.000.000đ (trong số tiền 30.000.000đ vay ngày 17/02/2017). Ngoài ra, anh S và chị H đã thanh toán cho bà 08 tháng (kể từ ngày 10/4/2017 đến ngày 10/12/2017), với tổng số tiền là 50.000.000đ (mỗi tháng trả số tiền là 6.250.000đ), trong đó: số tiền gốc là 35.000.000đ, số tiền lãi là 15.000.000đ. Kể từ ngày 10/12/2017 cho đến nay, anh S và chị H không còn thanh toán cho bà khoản tiền nào khác. Bà chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc 215.000.000đ (250.000.000đ – 35.000.000đ). Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 230.000.000đ (gồm 15.000.000đ và 215.000.000đ), số tiền lãi là 88.096.000đ (215.000.000đ x 9%/năm x 4 năm 6 tháng 19 ngày, kể từ ngày 10/12/2017 đến ngày 29/6/2022). Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là 318.096.000đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn trình bày:**

- **Anh Huỳnh Thanh S:** Anh thừa nhận, anh và chị H vay của bà M tổng số tiền là 265.000.000đ. Hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ từ 1 năm đến 2 năm, với mức lãi suất là 9%/năm. Đối với khoản tiền vay 15.000.000đ, bà M không tính tiền lãi thì anh không có ý kiến gì. Đối với khoản tiền vay 250.000.000đ, anh và chị H đã thanh toán cho bà M được 08 tháng, với tổng số tiền là 50.000.000đ (số tiền gốc là 35.000.000đ, số tiền lãi là 15.000.000đ). Nay bà M yêu cầu anh và chị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 230.000.000đ thì anh đồng ý, đối với số tiền lãi thì anh không đồng ý thanh toán vì hoàn cảnh khó khăn.

- **Chị Phạm Thị Bích H:** Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cung cấp “Giấy nhận nợ” có chữ ký, chữ viết của bị đơn. Theo kết luận giám định số 1140/KLGD-PC09 ngày 09/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai thể hiện đúng chữ ký, chữ viết của anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh S và chị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà M số tiền 230.000.000đ và số tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Buộc đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm viết giấy nhận nợ, bị đơn – anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H đều cư trú tại ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Khi Tòa án thụ lý vụ án thì anh S và chị H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không báo cho người khởi kiện (là người mình có nghĩa vụ) thì được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, là nơi người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn – chị Phạm Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 318.096.000đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 230.000.000đ (gồm 15.000.000đ và 215.000.000đ), số tiền lãi là 88.096.000đ (kể từ ngày 10/12/2017 đến ngày 29/6/2022). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà M đã cung cấp “Giấy nhận nợ” đề ngày 10/4/2017 và ngày 17/02/2017 (BL 31), có chữ ký, chữ viết của anh S, chị H. Tại phiên tòa, anh S thừa nhận có vay bà M tổng số tiền nợ gốc là 265.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay từ 1 năm đến 2 năm, mức lãi suất là 9%/năm, đã thanh toán 08 tháng với số tiền 50.000.000đ (gốc 35.000.000đ, lãi 15.000.000đ). Đối với chị H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh S, chị H trong “Giấy nhận nợ” đề ngày 10/4/2017 và ngày 17/02/2017. Theo Kết luận giám định số 1140/KLGD-PC09 ngày 09/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, thể hiện: “*Chữ ký và chữ viết mang tên Huỳnh Thanh S trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết mang tên Huỳnh Thanh S trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M11) do cùng một người ký và viết ra. Chữ ký và chữ viết mang tên Phạm Thị Bích H trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết mang tên Phạm Thị Bích H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M6 đến M10) do cùng một người ký và viết ra*”. Chính vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận việc vay mượn tiền giữa hai bên là có thật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán số tiền vay 230.000.000đ.

[3.3] Về số tiền lãi yêu cầu thanh toán: Theo nội dung “Giấy nhận nợ” ngày 10/4/2017 và ngày 17/02/2017 thì không có nội dung về thỏa thuận thời hạn trả nợ và mức lãi suất cho vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà M và anh S cùng

thừa nhận hai bên có thỏa thuận về thời hạn vay từ 1 năm đến 2 năm, mức lãi suất là 9%/năm. Nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà M và anh S thừa nhận, kể từ thời điểm vay đã thanh toán số tiền gốc và lãi được 08 tháng. Như vậy đến thời điểm ngày 10/01/2018, anh S và chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà M yêu cầu tính số tiền lãi kể từ ngày 10/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/6/2022) là phù hợp nên được chấp nhận. Số tiền lãi anh S và chị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà M là 88.096.000đ ($215.000.000đ \times 9\%/năm \times 04 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}$).

[3.4] Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 318.096.000đ ($230.000.000đ + 88.096.000đ$). Tại thời điểm vay tiền, anh S và chị H còn là vợ chồng nhưng nay đã ly hôn theo Quyết định số 342/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2019 của TAND huyện Trảng Bom. Tuy nhiên, số tiền vay được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, anh S và chị H cùng thỏa thuận xác lập giao dịch, tại thời điểm giải quyết ly hôn lại không giải quyết về nợ chung nên cần xác định nghĩa vụ thanh toán giữa anh S và chị H là nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 318.096.000đ cho bà M theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh S và chị H phải chịu 15.905.000đ ($318.096.000đ \times 5\%$) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà M tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 463, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

- Buộc anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị M số tiền 318.096.000đ (Ba trăm mười tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

+ Số tiền gốc là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

+ Số tiền lãi là 88.096.000đ (Tám mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Phần nghĩa vụ liên đới của anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H là bằng nhau.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 4.745.000đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006982 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Huỳnh Thanh S và chị Phạm Thị Bích H phải chịu số tiền 15.905.000đ (Mười lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bà M và anh S biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Trảng Bom;
- CC. THADS h. Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung